

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 04/4/2018

V/v: "Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH HẢI - TỈNH NINH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thu Hằng

- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Đào Minh Phần và Bà Phạm Thị Huệ

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Xuân Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải - tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Trung Hiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải - tỉnh Ninh Thuận xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 282/2017/TLST-HNGĐ ngày 25/12/2017 về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Thái H- sinh năm: 1981 (có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn L - sinh năm: 1970 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Khu phố C, thị trấn K, huyện H, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Thái H trình bày: Bà và ông Nguyễn Tấn L tiến đến hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện H vào ngày 14/8/2000. Quá trình chung sống bản thân ông L là người rất yêu thương vợ con. Thu nhập từ việc làm nghề chài cá và bán bánh canh của ông L từ 12-15 triệu đồng/ tháng nên vợ con ông L không thiếu thốn gì về mặt vật chất. Nhưng bản chất ông L có tính đam mê cờ bạc, nhiều lần chủ nợ đến nhà bà hăm dọa đủ điều và đập phá đồ đạc trong nhà. Năm 2015 để trốn nợ, ông L còn bỏ nhà đi hơn một năm rưỡi, một mình bà ở nhà phải xoay sở nuôi các con. Vì cờ bạc mà vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân với nhau nên bà đề nghị tòa án cho ly hôn với ông L.

Về con chung: Vợ chồng có ba người con chung là Nguyễn Huỳnh Thanh T, sinh năm 2001, Nguyễn Huỳnh Hoàng N, sinh năm 2006 và Nguyễn Huỳnh Đăng K sinh năm 2009. Cháu T có nguyện vọng ở với mẹ, cháu N và cháu K có nguyện vọng ở với ba. Hoàn cảnh của bà không đảm bảo để nuôi ba cháu nên mong tòa án cho bà được

nuôi dưỡng cháu T, ông L sẽ nuôi dưỡng cháu N và cháu K. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn ông Huỳnh Tấn L trình bày: Về quan hệ hôn nhân và con chung đúng như lời trình bày của bà H. Trước đây ông cũng có ham mê cờ bạc nhưng hiện nay đã không còn chơi nữa. Bà H xin ly hôn với ông vì bà có quan hệ với người đàn ông khác, ông không cung cấp được chứng cứ cho tòa án nhưng có nghe mọi người kể lại cho ông biết. Mặc dù vợ chồng sống cùng một nhà nhưng mặc ai người nấy sống, không quan tâm lẫn nhau, vợ chồng sống “ly thân” với nhau từ năm 2012 cho đến nay. Tuy vậy ông vẫn còn yêu thương vợ con rất nhiều nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Các cháu hiện đang ở cùng với ông và được ông chăm sóc rất tốt. Vì vậy ông mong muốn tòa án giao ba cháu cho ông nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]*Về nội dung vụ án:* Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông L được kết hợp trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Do ham mê cờ bạc nên mâu thuẫn của vợ chồng bà H ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống ly thân trong thời gian dài từ năm 2012 cho đến nay, mặc ai người nấy sống, hai bên không tìm cách hàn gắn tình cảm với nhau.

[2]Theo biên bản xác minh ngày 24/01/2018 của khu phố C cung cấp: “Ông L sống ở địa phương có tính tình hòa nhã với mọi người nhưng có bản tính ham mê cờ bạc. Nhiều lần chính quyền địa phương mời ông L lên làm việc vì tội đánh bạc. Thậm chí ông còn gây ra nợ nần và băng nhóm “xã hội đen” tới đập phá đồ đạc. Để trốn nợ, ông L còn bỏ nhà đi từ 2-3 lần, mỗi lần đi từ 3-4 tháng”.

[3]Xét thấy hôn nhân của vợ chồng ông L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[4]*Về tài sản chung, nợ chung :* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]*Về con chung:* Xét điều kiện về chỗ ở và thu nhập của hai bên và nguyện vọng của con chung, thấy rằng ông L có thu nhập từ 12.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng/ tháng đủ để đảm bảo nuôi hai cháu N và K, nguyện vọng của các cháu cũng muốn ở cùng với ông L. Còn nguyện vọng của cháu T cũng muốn ở cùng với bà H, thấy rằng Hội đồng xét xử giao cháu T cho bà H chăm sóc. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

[6]*Về án phí:* Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về thủ tục tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân tuân thủ đúng theo pháp luật tố tụng; nguyên đơn luôn chấp hành pháp luật. Bị đơn không tuân thủ đúng theo pháp luật tố tụng như không có mặt tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng tại phiên tòa bị đơn đã có mặt. Về nội dung vụ án: Tình

trạng hôn nhân của vợ chồng bà H và ông L đã thật sự trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung: Xét nguyện vọng của các cháu và điều kiện của ông L, bà H đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu T cho bà H chăm sóc, cháu N và cháu K cho ông L chăm sóc. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: khoản 1 điều 56, điều 81, điều 82, điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Thái H được ly hôn với ông Nguyễn Tấn L.

Về con chung: Bà H có nghĩa vụ chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Nguyễn Huỳnh Thanh T, sinh ngày 27/10/2001, Ông L có nghĩa vụ chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Nguyễn Huỳnh Hoàng N sinh ngày 27/9/2006 và cháu Nguyễn Huỳnh Đăng K sinh ngày 22/3/2009. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Bà H phải chịu 300.000^d (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000^d (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0012135 ngày 22/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Hải. Bà H đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Án sơ thẩm xử công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Hải;
- Chi cục THADS huyện Ninh Hải;
- Các đương sự;
- UBND xã (phường) nơi đăng ký kết hôn.
- Lưu (hồ sơ, án văn).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thu Hằng

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Minh Phấn Phạm Thị Huệ

Trần Thị Thu Hằng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Hải;
- Chi cục THADS huyện Ninh Hải;
- Các đương sự;
- UBND xã (phường) nơi đăng ký kết hôn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

- Lưu (hồ sơ, án văn).

Trần Thị Thu Hằng

